**ĐỀ THI TOÁN LỚP 5 – KỲ 2**

**Phần 1. Trắc nghiệm (3 điểm)**

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

**Câu 1**. Chữ số 9 trong số 25, 309 thuộc hàng nào ?

A. Hàng đơn vị

B. Hàng trăm

C. Hàng phần mười

D. Hàng phần nghìn

**Câu 2.** Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy 1515 số viên bi có màu:

A. Nâu                           B. Đỏ

C. Xanh                         D. Trắng

**Câu 3.** Thể tích của hình lập phương có cạnh 5dm là:

A. 125dm3                     B. 100dm3

C. 25dm3                        D. 125dm2

**Câu 4.** Chu vi hình tròn có đường kính 5cm là:

A. 78,5cm                      B. 15,7cm

C. 3,14cm                      D. 31,4cm

**Câu 5.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

          97,45 × 0,01 = …

A. 9745                          B. 974,5

C. 9,745                         D. 0,9745

**Câu 6.** Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 54km/giờ. Tính quãng đường AB biết ô tô đi từ A đến B hết 2 giờ 45 phút.

A. 132,3km                    B. 145km

C. 148,5km                    D. 154km

**Tự luận (7 điểm)**

**Bài 1**. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) 256,34 + 28,57

b) 567,4  – 159,28

c) 13,6 × 8

d) 43,44 : 1,2

**Bài 2.**(1 điểm) Điền dấu thích hợp (<; >; =) vào chỗ chấm:

a) 279,5 … 279,49

b) 19,189 … 19,19

c) 327,500 … 327,5

d) 11,608 … 11,68

**Bài 3.** (1 điểm) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8km 236m = … km

b) 1 giờ 30 phút  = … giờ

c) 15kg 287g = … kg

d) 32cm2 5mm2 = … cm2

**Bài 4.**(2 điểm) Hai xe ô tô khởi hành lúc 8 giờ 15 phút, một xe đi từ A đến B với vận tốc 43km/giờ, một xe đi từ B đến A với vận tốc 45 km/giờ. Biết quãng đườngAB dài 220km. Hỏi hai xe gặp nhau lúc mấy giờ?

**Bài 5.**(1 điểm) Cho hai số thập phân có tổng bằng 69,85. Nếu chuyển dấu phẩy ở số bé sang phải một hàng ta được số lớn. Tìm hai số đó.

Trả lời: Số lớn là: …

             Số bé là : …

**LỜI GIẢI**

**Phần 1. Trắc nghiệm**

**Câu 1.**

**Phương pháp:**

Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phấy thuộc về phần thập phân.

**Cách giải:**

Chữ số 9 trong số 25, 309 thuộc hàng phần nghìn.

Chọn D.

**Câu 2.**

**Phương pháp:**

Tìm $\frac{1}{5}$ của 20 viên bi (lấy 20 chia cho 5), từ đó xác định được $\frac{1}{5}$ Số viên bi có màu gì.

**Cách giải:**

$\frac{1}{5}$ của 20 viên bi là: 20 : 4 = 4 (viên bi)

Ta thấy có 4 viên bi màu xanh. Do đó 1515 số viên bi có màu xanh.

Chọn C.

**Câu 3.**

**Phương pháp:**

Muốn tính thể tích hình lập phương ta lấy cạnh nhân với cạnh rồi nhân với cạnh.

**Cách giải:**

Thể tích của hình lập phương có cạnh 5dm là:

5 × 5 × 5 = 125 (dm3)

Đáp số: 125dm3.

Chọn A.

**Câu 4.**

**Phương pháp:**

Muốn tính chu vi hình tròn ta lấy đường kính nhân với số 3,14.

**Cách giải:**

Chu vi hình tròn có đường kính 5cm là:

5 × 3,14 = 15,7 (cm)

Đáp số: 15,7cm.

Chọn B.

**Câu 5.**

**Phương pháp:**

Khi nhân một số thập phân với số 0,01 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái hai chữ số.

**Cách giải:**

Ta có: 97,45 × 0,01 = 0,9745.

Chọn D.

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Đổi: 2 giờ 45 phút = 2,75 giờ.

Muốn tính quãng đường ta lấy vận tốc nhân với thời gian.

**Cách giải:**

Đổi: 2 giờ 45 phút = 2,75 giờ.

Độ dài quãng đường AB là:

54 × 2,75 = 148,5 (km)

Đáp số: 148,5km.

Chọn C.

**Phần 2. Tự luận**

**Bài 1.**

**Phương pháp:**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

**Cách giải:**

****

**Bài 2.**

**Phương pháp:**

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau,thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

**Cách giải:**

a) 279,5 > 279,49

b) 19,189 < 19,19

c) 327,500 = 327,5

d) 11,608 < 11,68

**Bài 2.**

**Phương pháp:**

Áp dụng kiến thức:

1km = 1000m hay 1m = 1100011000km = 0,001km;

1 giờ = 60 phút hay 1 phút = 160160giờ ;

1kg = 1000g hay 1g = 1100011000kg = 0,001kg;

1cm2 = 100mm2 hay 1mm2 = 11001100cm2 = 0,01cm2.

**Cách giải:**

a) 8km 362m = 8,362km

b) 1 phút 30 giây = 1,5 phút

c) 15kg 287g = 15,287kg

d) 32cm2 5mm2 = 32,05cm2

**Bài 4.**

**Phương pháp:**

- Tính quãng đường cả hai xe đi được trong 1 giờ.

- Tính thời gian đi để gặp nhau ta lấy độ dài quãng đường AB chia cho quãng đường cả hai xe đi được trong 1 giờ.

- Tính thời điểm gặp nhau ta lấy thời gian xuất phát cộng với thời gian đi để gặp nhau.

**Cách giải:**

Sau mỗi giờ, cả hai ô tô đi được quãng đường là:

43 + 45 = 88 (km)

Thời gian hai ô tô đi để gặp nhau là:

220 : 88 = 2,5 ( giờ)

2,5 giờ = 2 giờ 30 phút

Hai ô tô gặp nhau lúc:

8 giờ 15 phút + 2 giờ 30 phút = 10 giờ 45 phút

Đáp số: 10 giờ 45 phút.

**Bài 5.**

**Phương pháp:**

Vì chuyển dấu phẩy ở số bé sang phải một hàng ta được số lớn nên số lớn gấp 10 lần số bé.

Tìm số lớn và số bé theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

**Cách giải:**

Vì chuyển dấu phẩy ở số bé sang phải một hàng ta được số lớn nên số lớn gấp 10 lần số bé.

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

             10 + 1 = 11 (phần)

Số lớn là:

             69,85 : 11 × 10 = 63,5

Số bé là:

            69,85 – 63,5 = 6,36

                             Đáp số: Số lớn là: 63,5.

                                          Số bé là: 6,35.